

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

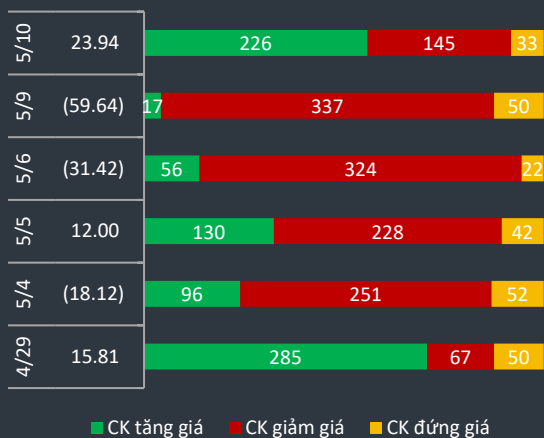
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

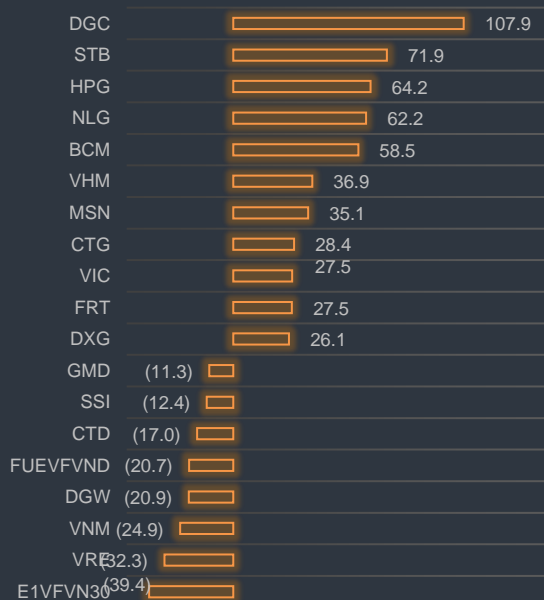
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

### Độ rộng thị trường



### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



**GAS:** Tổng Công ty khí Việt Nam vừa công bố tình hình kinh doanh 4 tháng đầu năm 2022 với tổng doanh thu ước đạt 37.460 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 5.696 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 4.544 tỷ đồng và nộp ngân sách Nhà nước 2.355 tỷ đồng.

PV GAS cho biết tất cả các chỉ tiêu tài chính nói trên đều hoàn thành vượt kế hoạch từ 41 đến 87% và tăng so với cùng kỳ năm trước từ 7 đến 61%. PV GAS đã cung cấp 2,7 tỷ m3 khí khô, bằng 88% kế hoạch; sản xuất và cung cấp 41.000 tấn condensate, vượt 80% kế hoạch; sản xuất và kinh doanh 760.000 tấn LPG (trong đó 537.000 tấn thị trường trong nước; 223.000 tấn xuất khẩu và kinh doanh quốc tế), bằng 146% kế hoạch.

Trước đó, tổng công ty đã công bố kết quả quý I với 26.689 tỷ đồng doanh thu, lãi sau thuế 3.495 tỷ đồng. Như vậy tính riêng trong tháng 4, PV GAS đem về 10.771 tỷ đồng doanh thu và lãi sau thuế hơn 1.049 tỷ đồng.

Năm nay, PV GAS đặt chỉ tiêu doanh thu đạt 80.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 7.039 tỷ đồng. Như vậy sau 4 tháng, doanh nghiệp đã thực hiện được gần 47% kế hoạch doanh thu và xấp xỉ 65% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm.

**PHR:** CTCP Cao su Phước Hòa vừa công bố một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư quý II/2022. Sản lượng cao su tiêu thụ dự kiến đạt 6.743 tấn, tương ứng với tỷ lệ hơn 19% kế hoạch năm với dự báo giá bình quân là 41 triệu đồng/tấn.

Với dự kiến như trên, chỉ tiêu tổng doanh thu quý II của công ty mẹ mục tiêu đạt 486,5 tỷ đồng và lãi trước thuế là 220 tỷ đồng. Nếu đạt được kế hoạch này thì lũy kế 6 tháng đầu năm, công ty mẹ Cao su Phước Hòa đạt được 789 tỷ đồng tổng doanh thu và 520 tỷ đồng lãi trước thuế, tương ứng đạt 35% kế hoạch doanh thu và 58% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Quý I/2022, doanh thu thuần của công ty mẹ đạt 303 tỷ đồng nhưng nhờ số tiền thu bồi thường từ dự án VSIP 3 hơn 289 tỷ đồng, lãi sau thuế đạt được kỳ này là 240 tỷ đồng, gấp hơn 11 lần quý I/2021.

Vnindex 1293.56

▲ +23.94 (+1.89%)

### Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BCM	80.1	5.2	6.94
REE	86.6	5.6	6.91
TPB	33.3	1.7	5.38
VPB	33.3	1.5	4.72
FPT	98.4	4.4	4.68
HDB	24.1	1.1	4.57
PDR	61.9	2.6	4.38
VJC	129.1	5.1	4.11
PNJ	103.0	3.9	3.94
BID	35.8	1.4	3.92
SSI	27.9	1.1	3.91
MBB	27.1	0.9	3.24
SAB	164.9	4.8	3.00
GAS	108.0	3.1	2.96
HPG	41.1	1.2	2.88
HVN	20.1	0.6	2.81
VHM	69.9	1.9	2.79
MWG	140.1	3.7	2.71
POW	13.3	0.4	2.70
VCB	80.0	2.1	2.70
VIC	80.4	1.3	1.64
MSN	116.1	1.2	1.04
BVH	60.0	0.6	1.01
VNM	70.6	0.6	0.86
ACB	30.8	0.2	0.65
NVL	79.0	0.5	0.64
STB	23.9	0.2	0.63
TCB	38.7	0.1	0.26
PLX	42.7	0.1	0.23
CTG	25.2	0.1	0.20
DHG	97.4	-	-
VRE	28.1	(0.1)	(0.35)
GVR	24.8	(0.2)	(0.80)
VIB	38.4	(0.6)	(1.54)



Thị trường có cú hồi khá tốt từ mức giảm gần 40 điểm đầu phiên chuyển sang xanh 24 điểm khi đóng cửa. Kịch bản giao dịch hôm nay khá giống 2 tuần trước khi chỉ số Vnindex cũng bị nén chặt xuống sát 1250. Thanh khoản hôm nay ở mức khá nhờ dòng tiền quay lại tích cực ở nhóm cổ phiếu blue chip và cả các nhóm penny. Có thể thấy phiên hồi trong ngày dù còn khá thận trọng nhưng vẫn khá tích cực nếu xét trên diện rộng với 280 mã xanh so với chỉ 30-40 mã hồi đầu phiên. Với những nhà đầu tư đã bán ra đầu phiên thì cơ hội mua cuối phiên khá thấp vì giá đã bị đẩy lên khá cao, nhiều mã lên đến hơn 10%.

Chỉ số Vnindex hiện vẫn trong giai đoạn downtrend với đáy mới sâu hơn đáy cũ và thanh khoản đang ở giai đoạn thấp nhất so với trung bình 3 tháng trước đó. Xu hướng giảm của Vnindex khá tương đồng với chứng khoán toàn cầu vì vậy các yếu tố thị trường quốc tế vẫn có tính ảnh hưởng nhất định. Thị trường sẽ còn nhiều đợt tăng giảm dzic dzac tuy nhiên đây là giai đoạn nhà đầu tư nên tăng cường quản trị rủi ro tài khoản với việc tận dụng dụng các nhịp hồi mạnh để cơ cấu lại danh mục về ngưỡng an toàn.

Một số cổ phiếu có thể giao dịch lướt sóng ngắn hạn: GMD, HAH, FPT, STB, BCM, REE.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
DGW	117.0	(15.8)	120	160	Mua mới quanh 120-125	4/26/2022	-6.4%
VCB	80.0	(1.1)	75	95	Mua quanh 75-78	4/21/2022	2.0%
MSN	116.1	0.1	117	145	Mua thêm quanh 100-110	4/21/2022	-5.6%
VPB	33.3	(9.3)	35	45	Chờ mua thêm quanh 30-32	2/25/2022	-8.8%
TCM	65.4	(7.9)	60	100	Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100	2/18/2022	-2.4%
HPG	41.1	(5.1)	40	60	Nằm giữ	2/8/2022	-8.7%
TNG	30.8	(10.5)	24	45	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 45	2/7/2022	6.2%
GVR	24.8	(14.2)	20	40	Mua thêm quanh 25-26. Nằm giữ	4/26/2022	-17.5%
REE	86.6	5.1	60	90	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	33.2%
OCB	19.8	(17.2)	24	35	Mua thêm quanh 18-22	4/25/2022	-10.0%
STK	55.7	(4.9)	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	5.1%
VIB	38.4	(10.7)	40	60	Mua thêm quanh giá 40-41	4/28/2022	-10.7%
MBB	27.1	(9.2)	25	35	Nằm giữ, mục tiêu 37	1/4/2022	-6.7%
MWG	140.1	(6.1)	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	3.8%
DPM	73.0	(18.1)	35	77	Chốt lời	2/7/2022	73.8%

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Tăng trưởng ngành trong ngày

Thủy sản	2.61
Dầu khí	2.37
Bất động sản KCN	2.33
Bao bì	2.32
Du lịch và Giải trí	2.28
Dịch vụ tài chính	2.04
Y tế	1.93
Phân bón	1.76
Bất động sản	1.69
Khoáng sản	1.35
Hàng & Dịch vụ...	1.30
Điện	1.29
Tài nguyên Cơ bản	1.19
Nước	1.06
Xây dựng	0.95
Ngân hàng	0.87
Bảo hiểm	0.84
Sản xuất và KD Thép	0.70
Công nghệ Thông tin	0.69
Hóa chất	0.62
Vật liệu xây dựng	0.58
Vận tải - Logistics	0.53
Hàng cá nhân & Gia...	0.50
Truyền thông	0.44
Dệt May	0.05
Ô tô và phụ tùng (0.01)	
Thực phẩm và đồ... (0.11)	
Bán lẻ (0.17)	
Cao su (0.30)	
Viễn thông(2)	

**VIB** - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Ngày 16/5 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 35% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 35 cổ phiếu), tương đương VIB sẽ phát hành thêm hơn 543 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

**D2D** - CTCP Phát triển đô thị công nghiệp số 2 - Ngày 9/5, HĐQT đã có quyết định chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 35%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 24/5/2022 và thanh toán bắt đầu từ ngày 02/6/2022.

**TNT** - CTCP Tập đoàn TNT – Đã thông qua chủ trương chấm dứt việc thực hiện và thanh lý hợp đồng nhận chuyển nhượng 84 lô đất của CTCP Đầu tư xây dựng Bất động sản Trí Nguyễn.

**VSC** - CTCP Tập đoàn Container Việt Nam – Đã thông qua việc triển khai phát hành hơn 11,02 triệu cổ phiếu trả cổ tức theo tỷ lệ 10 :1. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2022.

**BMP** - CTCP Nhựa Bình Minh - Ngày 11/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 12/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 13,5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 13/6/2022.

**APH, AAA** - Tập đoàn An Phát và Nhựa An Phát Xanh - Đã ra nghị quyết đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu của Nhựa Hà Nội (NHH) trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1. An Phát sẽ mua vào thêm 8,03 triệu đơn vị để giữ nguyên tỷ lệ sở hữu 22,06% vốn của Nhựa Hà Nội còn Nhựa An Phát Xanh sẽ mua thêm 16,28 triệu đơn vị để giữ nguyên tỷ lệ sở hữu 44,69% vốn.

**GEX** - CTCP Tập đoàn Gelex - Điều chỉnh tờ trình từ không chia cổ tức năm 2021 sang chia với tỷ lệ 5%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận được 500 đồng. Như vậy, ước tính công ty sẽ phải trả tổng cộng là 425,7 tỷ đồng trong lần chia cổ tức này.

**KSB** - Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương - Năm 2022 với kế hoạch doanh thu 1.200 tỷ đồng, tăng 20%; lãi sau thuế 280 tỷ đồng, tăng 10,7% so với thực hiện năm trước.

Ngoài kế hoạch kinh doanh, HĐQT Công ty KSB Bimico cũng trình phương án chào bán 38,1 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện 50% với giá 16.000 đồng/ cổ phiếu. Thời điểm thực hiện trong quý II đến quý IV năm nay.

Ngoài ra, công ty cũng dự kiến phát hành 35 triệu cổ phiếu riêng lẻ, giá chào bán 25.000 đồng/cổ phiếu. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm. Thời điểm thực hiện trong năm 2022 hoặc quý I/2023.

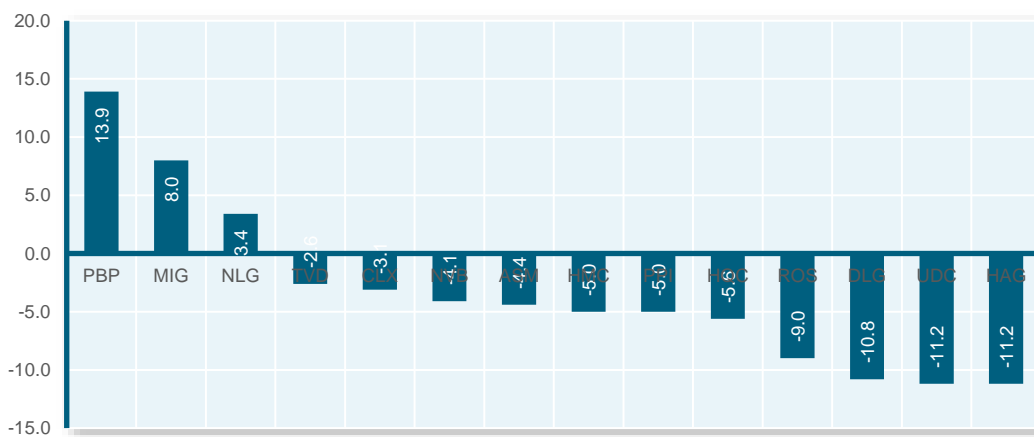


## Tổng hợp kết quả kinh doanh theo ngành

Ngành	Số DN	Doanh thu Q1.2021	Doanh thu Q1.2022	% doanh thu	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi nhuận Q1.2022	% tăng trưởng LN
Ngân hàng	27	82,357	98,086	19.1%	41,478	54,098	30.4%
Bất động sản	72	62,697	46,729	-25.5%	11,746	10,415	-11.3%
Sản xuất và KD Thép	26	75,320	108,404	43.9%	8,886	9,967	12.2%
Dầu khí	22	103,834	173,495	67.1%	4,931	6,670	35.3%
Thực phẩm và đồ uống	70	60,283	62,634	3.9%	3,610	6,027	67.0%
Phân bón	13	10,388	20,483	97.2%	225	4,815	2036.3%
Điện	41	27,534	36,471	32.5%	2,462	4,799	94.9%
Dịch vụ tài chính	40	10,466	14,040	34.2%	3,532	4,743	34.3%
Vận tải - Logistics	69	19,671	23,903	21.5%	2,550	3,333	30.7%
Xây dựng	101	32,978	32,205	-2.3%	1,883	3,216	70.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58	16,670	23,388	40.3%	2,502	2,930	17.1%
Bất động sản KCN	21	12,803	12,523	-2.2%	2,634	2,926	11.1%
Bán lẻ	20	52,675	65,406	24.2%	1,753	2,084	18.9%
Hóa chất	25	14,070	21,084	49.9%	798	2,022	153.4%
Vật liệu xây dựng	39	11,623	14,340	23.4%	1,188	1,604	35.0%
Thủy sản	25	13,681	17,157	25.4%	494	1,481	199.5%
Công nghệ Thông tin	17	9,847	12,189	23.8%	954	1,465	53.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	25	14,084	17,789	26.3%	1,038	1,380	33.0%
Bảo hiểm	12	15,510	17,666	13.9%	1,230	1,341	9.0%
Dệt May	20	11,400	15,588	36.7%	531	823	55.0%
Y tế	34	10,474	9,339	-10.8%	606	735	21.4%
Nước	49	5,118	5,419	5.9%	727	647	-11.1%
Tài nguyên Cơ bản	20	7,246	8,491	17.2%	481	490	1.9%
Du lịch và Giải trí	30	7,525	8,365	11.2%	113	411	263.8%
Khoáng sản	25	13,545	19,506	44.0%	(79)	366	-563.3%
Ô tô và phụ tùng	11	9,478	11,218	18.4%	289	318	9.8%
Truyền thông	27	896	909	1.5%	181	180	-0.7%
Cao su	13	1,154	1,211	5.0%	175	161	-7.6%
Bao bì	16	5,719	8,100	41.6%	125	128	2.0%
Xây dựng và Vật liệu	51	5,031	4,506	-10.4%	27	48	76.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	1,796	2,599	44.7%	29	28	-2.0%
<b>Tổng</b>	<b>1024</b>	<b>725,871</b>	<b>913,243</b>	<b>25.8%</b>	<b>97,099</b>	<b>129,650</b>	<b>33.5%</b>



## Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



## Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	% so với đầu năm	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	30.8	-10.5%	3,850,100	7.7	1.7	1,038,400	1,038,400	4,022	17,840
BID	HOSE	35.8	-4.3%	1,727,600	13.7	2.1	324,900	79,000	2,615	17,066
CTG	HOSE	25.2	-27.6%	6,484,400	9.2	1.2	1,616,600	488,300	2,739	20,454
EBB	HOSE	29.4	-13.3%	142,400	25.1	2.0	14,800	7,000	1,172	15,006
HDB	HOSE	24.1	-22.7%	3,446,700	6.9	1.5	485,300	330,900	3,506	16,306
LPB	HOSE	14.9	-26.6%	4,428,600	5.1	1.0	161,800	36,600	2,933	14,712
MBB	HOSE	27.1	-7.0%	10,841,700	6.9	1.5	-	4,100	3,933	17,750
MSB	HOSE	21.0	-26.2%	1,981,700	6.5	1.4	-	-	3,231	15,132
OCB	HOSE	19.8	-29.3%	1,508,800	6.2	1.2	71,800	4,700	3,206	16,404
SHB	HOSE	14.7	-34.7%	10,894,600	5.0	1.0	912,800	-	2,913	14,181
SSB	HOSE	36.0	-15.1%	1,349,500	15.6	2.6	15,200	-	2,304	13,611
STB	HOSE	23.9	-25.5%	18,391,700	12.9	1.3	3,741,200	732,900	1,856	18,174
TCB	HOSE	38.7	-24.0%	10,236,300	7.1	1.4	-	-	5,458	28,080
TPB	HOSE	33.3	-22.2%	5,931,000	8.2	1.9	136,600	448,400	4,079	17,310
VCB	HOSE	80.0	1.3%	926,000	13.5	2.7	296,200	411,200	5,910	29,421
VIB	HOSE	38.4	-19.5%	1,148,900	8.3	2.3	-	-	4,651	16,748
VPB	HOSE	33.3	-7.5%	15,091,000	6.5	1.6	-	-	5,135	21,416
BAB	HNX	18.8	-17.5%	12,800	38.4	1.5	-	-	1,021	12,279
NVB	HNX	37.2	12.7%	9,500	-	4.8	-	40	3	7,695
VBB	UPCOM	12.7	-33.5%	24,700	11.9	1.0	-	-	1,068	12,202
VAB	UPCOM	11.1	-25.0%	473,700	3.8	0.9	5,000	-	1,902	12,443
SGB	UPCOM	14.5	-22.0%	11,400	-	1.2	-	-	540	12,308
PGB	UPCOM	23.5	-30.1%	21,600	21.6	1.6	-	-	997	14,272
NAB	UPCOM	16.6	-16.2%	111,400	-	-	-	-	3,247	17,329
KIJ	UPCOM	29.9	17.3%	2,900	29.0	2.3	-	100	1,031	13,236
BVB	UPCOM	14.3	-37.8%	822,100	19.7	1.1	3,000	-	725	13,020
ABB	UPCOM	11.8	-28.0%	1,787,100	4.7	0.9	-	-	2,491	12,860
				101,667,100	11.56	1.69	8,833,600	3,581,640	2,692	16,197



## Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TPC	HOSE	24/05/2022	25/05/2022	27/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	BTW	HNX	19/05/2022	20/05/2022	20/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PPP	HNX	19/05/2022	20/05/2022	20/06/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GER	UPCoM	19/05/2022	20/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	VGG	UPCoM	19/05/2022	20/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	REE	HOSE	17/05/2022	18/05/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	SED	HNX	13/05/2022	16/05/2022	8/6/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	INN	HNX	12/5/2022	13/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	VNX	UPCoM	12/5/2022	13/05/2022	25/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VDT	UPCoM	11/5/2022	12/5/2022	25/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TDW	HOSE	11/5/2022	12/5/2022	26/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	HHR	UPCoM	11/5/2022	12/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	GMH	HOSE	10/5/2022	11/5/2022	31/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	BAF	HOSE	9/5/2022	10/5/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:45	Phát hành thêm
15	BAF	HOSE	9/5/2022	10/5/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:39	Thưởng cổ phiếu
16	VGL	UPCoM	9/5/2022	10/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	BAX	HNX	9/5/2022	10/5/2022	11/8/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TET	HNX	9/5/2022	10/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	DHA	HOSE	9/5/2022	10/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	FMC	HOSE	9/5/2022	10/5/2022	26/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PHS	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	6/6/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 480 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	DRL	HOSE	6/5/2022	9/5/2022	18/05/2022	Trả cổ tức đợt 4/2021 bằng tiền, 2,273 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	AGP	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	19/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	VLA	HNX	6/5/2022	9/5/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:85	Thưởng cổ phiếu
25	NDW	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	20/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 320 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	CAB	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	9/6/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 540 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	HRB	UPCoM	5/5/2022	6/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	PSC	HNX	5/5/2022	6/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931